

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN KẾT THÚC NGÀY 31/12/2007
SỐ 0807427 / AISC-DN

CÔNG TY CP VẬT TƯ KTNN CẦN THƠ

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2007

Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc trình bày báo cáo này kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ Phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ và Công ty CP Chế biến lương thực Xuất khẩu Miền Tây cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2007.

Trụ sở hoạt động của Công ty: Số 1D đường Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

1. Thành viên Hội đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc

Các thành viên Hội đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc đang tại chức vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản Trị:

1. Ông Phạm Văn Tuấn	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
2. Ông Lý Thanh Tùng	Thành viên HĐQT
3. Ông Trương Văn Chiểu	Thành viên HĐQT
4. Ông Trương Tấn Lộc	Thành viên HĐQT
5. Ông Lê Văn Phước	Thành viên HĐQT
6. Ông Nguyễn Xuân Khoa	Thành viên HĐQT
7. Ông Nguyễn Trí Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
8. Ông Lê Thành Long	Thành viên BKS
9. Ông Huỳnh Sáng	Thành viên BKS

Ban Giám đốc:

1. Ông Phạm Văn Tuấn	Tổng Giám Đốc
2. Ông Lý Thanh Tùng	Phó Tổng Giám Đốc
3. Ông Trương Văn Chiểu	Phó Tổng Giám Đốc
4. Ông Trần Xuân Điều	Kế toán trưởng

2. Đặc điểm và tình hình hoạt động

- Hình thức hoạt động: Công ty Cổ Phần.
- Hoạt động chính của Công ty mẹ là:
 - Nhập khẩu kinh doanh phân bón các loại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2007

- Thu mua, gia công, chế biến, cung ứng xuất khẩu gạo và các loại nông sản.
 - Nhập khẩu kinh doanh máy móc thiết bị và tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp.
 - Đại lý cung ứng các loại tư liệu sản xuất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.
 - Nhập khẩu, kinh doanh nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản.
 - Sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản.
 - Nhập khẩu, kinh doanh nguyên liệu, phụ liệu sản xuất thuốc bảo vệ thực vật và các chế phẩm phân bón.
 - Nhập khẩu, kinh doanh hạt giống phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- Hoạt động chính của Công ty con là:
- Thu mua và chế biến nông sản, thực phẩm xuất khẩu;
 - Nhập khẩu bao bì phục vụ cho đóng gói sản phẩm;
 - Kinh doanh vật tư nông nghiệp.
- Tổng số công nhân viên vào thời điểm 31/12/2007 : 472 người
- Trong đó, nhân viên quản lý: 97 người.*

3. Tình hình tài chính và Kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này, từ trang 06 đến trang 40.

Trong năm, Công ty đã công bố khoản cổ tức chi trả niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2007 là 33.251.660.000 đồng

4. Kiểm toán

Công ty Kiểm toán & Dịch vụ Tin học (AISC) được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của nhóm Công ty TSC cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2007.

5. Cam kết của Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc

Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của nhóm Công ty TSC tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2007

- Thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- Soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho nhóm Công ty TSC sẽ tiếp tục hoạt động.

Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của nhóm Công ty TSC với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các báo cáo tài chính. Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng hệ thống kế toán đã đăng ký với Bộ tài chính đã được tuân theo. Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của nhóm Công ty TSC và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận của Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc

Chúng tôi xin tuyên bố rằng, các báo cáo tài chính được trình bày kèm theo báo cáo này đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của nhóm Công ty TSC tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẠM VĂN TUẤN

Cần Thơ, ngày 19 tháng 01 năm 2008



CÔNG TY KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC
Auditing & Informatic Services Company

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 9305163 (10 Lines) Fax: (84.8) 9304281
Email: aisc@hcm.vnn.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 0807427 / AISC-DN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN
KẾT THÚC NGÀY 31/12/2007

Kính gửi: - Các cổ đông của Công ty CP Vật tư KTNN Cần Thơ

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2007 của Công Ty Cổ Phần Vật Tư Kỹ Thuật Nông Nghiệp Cần Thơ và Công ty con từ trang 06 đến trang 40 kèm theo.

Trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám đốc Công ty và trách nhiệm của kiểm toán viên

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất nhằm thể hiện tình hình tài chính một cách trung thực và hợp lý về việc duy trì các sổ sách kế toán và các quy trình hạch toán tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở, phạm vi và căn cứ thực hiện kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Trên căn bản áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những ý kiến quan trọng đã được thể hiện bởi Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

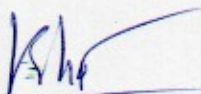
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của nhóm Công

ty TSC cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/12/2007, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/12/2007, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2008

Kiểm toán viên



TRẦN NGỌC KHÔI

Chứng chỉ KTV số: 0835/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.



Giám Đốc

NGUYỄN HỮU TRÍ

Chứng chỉ KTV số: 0476/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		427.421.636.177	299.878.477.311
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		23.322.936.514	18.447.021.769
1. Tiền	111	V.01	23.322.936.514	18.447.021.769
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		180.959.856.251	126.802.846.715
1. Phải thu khách hàng	131		157.407.276.436	123.601.833.773
2. Trả trước cho người bán	132		13.545.231.705	437.600.889
3. Phải thu nội bộ	133		-	3.806.751
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	10.101.359.110	2.759.605.302
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(94.011.000)	-
IV. Hàng tồn kho	140		213.238.432.549	145.537.398.987
1. Hàng tồn kho	141	V.04	229.129.594.256	145.917.989.847
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(15.891.161.707)	(380.590.860)

V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.900.410.863	9.091.209.840
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		173.126.688	1.572.620.739
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.315.319.011	5.863.404.559
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	-	1.198.919.378
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		411.965.164	456.265.164
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		36.668.457.568	21.521.621.344
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		36.389.972.646	21.310.387.301
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	18.763.178.122	15.911.420.208
- Nguyên giá	222		30.405.113.626	25.169.300.089
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11.641.935.504)	(9.257.879.881)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	5.291.802.594	5.363.130.078
- Nguyên giá	228		5.434.546.736	5.434.546.736
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(142.744.142)	(71.416.658)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	12.334.991.930	35.837.015
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-

IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13a	-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13b	-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		278.484.922	211.234.043
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	-	211.234.043
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	278.484.922	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	280		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		464.090.093.745	321.400.098.655

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		304.764.006.630	237.250.960.308
I. Nợ ngắn hạn	310		304.693.809.173	237.209.593.226
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	283.741.967.508	229.156.323.986
2. Phải trả người bán	312		4.919.896.028	2.848.232.788
3. Người mua trả tiền trước	313		19.973.844	170.719.812
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	6.119.025.979	23.547.261
5. Phải trả người lao động	315		6.111.176.950	3.598.674.951
6. Chi phí phải trả	316	V.17	805.839.109	766.096.314
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	2.975.929.755	645.998.114
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		70.197.457	41.367.082
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		70.197.457	41.367.082
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		159.326.087.115	84.149.138.347
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	158.736.791.688	83.743.777.785
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		83.129.150.000	68.811.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.389.610.000	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-

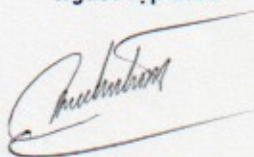
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		127.728.500	127.728.500
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.414.253.140	1.791.843.740
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		70.676.050.048	13.012.905.545
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		80.970.806	405.360.562
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		80.970.806	405.360.562
2. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
III. Lợi ích của cổ đông thiểu số	500		508.324.621	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440		464.090.093.745	321.400.098.655

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	24	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

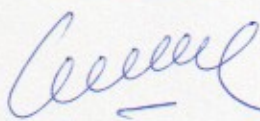
Cần Thơ, Ngày 15 tháng 01 năm 2008

Người lập biểu



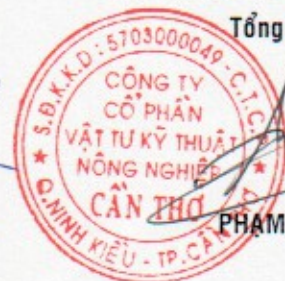
BÙI ĐỨC HOÀN

Kế toán trưởng



TRẦN XUÂN ĐIẾU

Tổng Giám đốc




PHẠM VĂN TUẤN

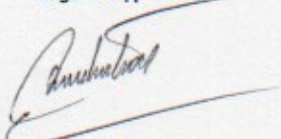
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

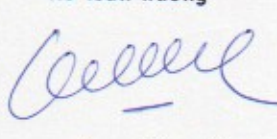
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3		4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	1.449.239.902.628	1.196.551.196.386
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	1.592.785.099	11.851.260
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.25	1.447.647.117.529	1.196.539.345.126
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.26	1.312.003.571.538	1.147.590.652.350
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		135.643.545.991	48.948.692.776
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.27	9.040.574.351	12.366.421.378
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	17.830.443.015	18.163.507.339
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.658.359.134	16.413.226.342
8. Chi phí bán hàng	24		33.572.182.166	27.092.907.781
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.449.291.983	6.832.185.265
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		79.832.203.178	9.226.513.769
11. Thu nhập khác	31		2.367.594.882	6.388.836.026
12. Chi phí khác	32		760.406.366	766.781.120
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.607.188.516	5.622.054.906
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		81.439.391.694	14.848.568.675
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.29	11.329.259.931	1.238.080.622
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	(278.484.922)	-
17. Lợi ích của cổ đông thiểu số	53		94.773.538	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		70.293.843.147	13.610.488.053
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		9.230	1.982

Người lập biểu



BÙI ĐỨC HOÀN

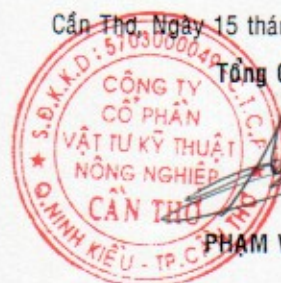
Kế toán trưởng



TRẦN XUÂN DIỆU

Cần Thơ, Ngày 15 tháng 01 năm 2008

Tổng Giám đốc



 PHẠM VĂN TUẤN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2007

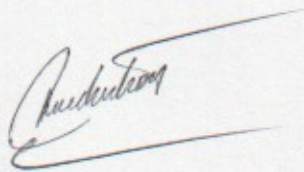
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.472.598.335.101	1.175.103.370.042
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ (*)	02		(1.371.339.968.991)	(972.094.217.033)
3. Tiền chi trả cho người lao động (*)	03		(10.276.082.236)	(5.926.930.011)
4. Tiền chi trả lãi vay (*)	04		(18.255.150.326)	(15.983.426.451)
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(5.266.179.179)	(1.696.279.690)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		76.588.602.994	142.118.000.499
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (*)	07		(200.309.665.193)	(294.678.216.844)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(56.260.107.830)	26.842.300.512
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác (*)	21		(14.651.770.875)	(3.719.398.331)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		12.148.207	3.871.562
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác (*)	23		(66.300.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		67.314.903.701	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)	25		(1.965.775.923)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.241.781.935	1.254.795.867
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.348.712.955)	(2.460.730.902)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		14.598.960.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành (*)	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.519.940.530.636	894.413.653.584
4. Tiền chi trả nợ gốc vay (*)	34		(1.458.837.399.619)	(913.480.165.611)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính (*)	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu (*)	36		(3.217.355.487)	(2.906.101.286)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		72.484.735.530	(21.972.613.313)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30+ 40)	50		4.875.914.745	2.408.956.297
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18.447.021.769	16.035.639.256
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	2.426.216
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70		23.322.936.514	18.447.021.769

Cần Thơ, Ngày 15 tháng 01 năm 2008

Người lập biểu



BÙI ĐỨC HOÀN

Kế toán trưởng



TRẦN XUÂN ĐIỀU

Tổng Giám đốc



PHẠM VĂN TUẤN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh: kinh doanh, xuất nhập khẩu, đại lý cung ứng.

03. Ngành nghề kinh doanh:

- Nhập khẩu kinh doanh phân bón các loại.
- Thu mua, gia công, chế biến, cung ứng xuất khẩu gạo và các loại nông sản.
- Nhập khẩu kinh doanh máy móc thiết bị và tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp.
- Đại lý cung ứng các loại tư liệu sản xuất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.
- Nhập khẩu, kinh doanh nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản.
- Sản xuất thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản.
- Nhập khẩu, kinh doanh nguyên liệu, phụ liệu sản xuất thuốc bảo vệ thực vật và các chế phẩm phân bón.
- Nhập khẩu, kinh doanh hạt giống phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- Kinh doanh địa ốc, bất động sản cho thuê.

04. Đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Tháng 05/2007, Công ty đã phát hành thêm 1.194.805 cổ phiếu và mang về 2.389.610.000đ thặng dư vốn cổ phần.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Kỳ kế toán năm:

Bắt đầu từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/12/2007.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Tiền đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/03/2006.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty bảo đảm đã tuân thủ nghiêm túc và kịp thời các Chuẩn mực kế toán căn cứ vào các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài Chính ban hành, đúng và đủ các qui định theo chế độ kế toán Việt Nam.

03. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

IV. HỆ THỐNG KẾ TOÁN VÀ CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn lập dựa theo qui ước giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Trong năm 2007, nhóm Công ty TSC đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam sau đây:

Chuẩn mực 21: Trình bày báo cáo tài chính

Chuẩn mực 25: Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con

Chuẩn mực 26: Thông tin về các bên liên quan

Chuẩn mực 30: Lãi trên cổ phiếu

Việc áp dụng các chuẩn mực mới này đưa đến thuyết minh mới về lãi trên cổ phiếu trong báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm hiện hành. Việc phân loại không làm ảnh hưởng đến số liệu lợi nhuận thuần và vốn chủ sở hữu đã báo cáo trước đây.

02. Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con

Công ty con là tất cả các công ty chịu sự kiểm soát bởi Nhóm Công ty TSC trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho Nhóm Công ty TSC. Các công ty con được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (TSC) và báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất như sau ("Nhóm Công ty TSC").

	Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty mẹ	Tỉ lệ cổ phần do công ty mẹ nắm giữ (%)
Công ty CP Chế biến Lương thực Xuất khẩu Miền Tây	16.156.275.923	97,24%

03. Đơn vị tiền sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền sử dụng: Việt Nam đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

04. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

05. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị của hoá đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2006 của Bộ Tài chính.

06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn khi so giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể được bán trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí hoàn tất và chi phí bán hàng.

07. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hoặc xây dựng tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận theo giá gốc là giá trị được định giá tại thời điểm cổ phần hoá Công ty.

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

08. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá mua ban đầu (giá gốc) trừ các khoản dự phòng thích hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí vay

Chi phí vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hoá trong khoản thời gian mà các tài sản này hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng: được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích và quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp.

Doanh thu hoạt động tài chính: được ghi nhận khi được hưởng.

11. Chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông khi đã được Đại hội Đồng Cổ Đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định hiện hành tại Việt Nam.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại:

Chi phí thuế TNDN hiện hành: được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại: được xác định trên những chênh lệch tạm thời.

13. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập dựa trên cơ sở ước tính số tiền phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động căn cứ vào khoản thời gian làm việc cho Công ty tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán. Khoản dự phòng được tính bằng 3% tổng quỹ lương cơ bản của Công ty tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

15. Cổ phiếu ngân quỹ

Khi Công ty và các Công ty con mua lại cổ phiếu của chính Công ty, số tiền thực trả bao gồm chi phí tăng thêm trừ đi thu nhập phát sinh được ghi âm vào vốn chủ sở hữu dưới dạng là cổ phiếu ngân quỹ cho đến khi chúng được huỷ. Nếu cổ phiếu ngân quỹ sau đó được bán đi hoặc tái phát hành thì số tiền thu được sẽ ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

01. Tiền:	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	160.673.283	67.180.812
- Tiền gửi ngân hàng	23.162.263.231	18.379.840.957
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	23.322.936.514	18.447.021.769

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:	Cuối năm	Đầu năm
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	-	-

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác:	Cuối năm	Đầu năm
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	962.545.533
- Phải thu về người lao động	-	-
- Phải thu khác	10.101.359.110	1.797.059.769
Cộng	10.101.359.110	2.759.605.302

04. Hàng tồn kho	Cuối năm	Đầu năm
- Hàng mua đang đi trên đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	7.634.661.577	7.733.685.189
- Công cụ, dụng cụ	29.555.091	16.596.520
- Chi phí SX, KD dở dang	-	-
- Thành phẩm	3.035.226.975	3.249.965.740
- Hàng hóa	218.430.150.613	134.917.742.398
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

- Hàng hóa bất động sản	-	-
-------------------------	---	---

Cộng giá gốc hàng tồn kho	229.129.594.256	145.917.989.847
----------------------------------	------------------------	------------------------

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả:

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

* Giá trị trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho ngày 31/12/2007: (15.891.161.707)

05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-
- Thuế GTGT đầu ra hàng nhập khẩu nộp thừa	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu nộp thừa	-	-
- Thuế TNDN nộp thừa	-	1.198.919.378
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	-	-
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
Cộng	-	1.198.919.378

06. Phải thu dài hạn nội bộ	Cuối năm	Đầu năm
- Cho vay dài hạn nội bộ	-	-
- Phải thu dài hạn nội bộ	-	-
Cộng	-	-

07. Các khoản phải thu dài hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
- Các khoản tiền nhận ủy thác	-	-
- Cho vay không có lãi	-	-
- Phải thu dài hạn khác	-	-
Cộng	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	11.897.144.017	5.494.610.622	3.510.597.054	293.942.899	3.973.005.497	25.169.300.089
- Mua trong năm	2.652.292.310	955.382.371	1.697.325.181	29.568.000	-	5.334.567.862
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư (*)	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán (*)	-	-	-	(30.669.091)	-	(30.669.091)
- Giảm khác (*)	(68.085.234)	-	-	-	-	(68.085.234)
Số dư cuối năm	14.481.351.093	6.449.992.993	5.207.922.235	292.841.808	3.973.005.497	30.405.113.626

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư đầu năm	3.218.956.013	1.933.541.846	1.971.485.474	164.902.446	1.968.994.102	9.257.879.881		
- Khấu hao trong năm	798.615.308	676.005.528	458.582.908	49.807.910	487.388.294	2.470.399.948		
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-		
- Chuyển sang BĐS đầu tư (*)	-	-	-	-	-	-		
- Thanh lý, nhượng bán (*)	-	-	-	(18.259.091)	-	(18.259.091)		
- Giảm khác (*)	(68.085.234)	-	-	-	-	(68.085.234)		
Số dư cuối năm	3.949.486.087	2.609.547.374	2.430.068.382	196.451.265	2.456.382.396	11.641.935.504		
Giá trị còn lại của TSCĐ HH								
- Tại ngày đầu năm	8.678.188.004	3.561.068.776	1.539.111.580	129.040.453	2.004.011.395	15.911.420.208		
- Tại ngày cuối năm	10.531.865.006	3.840.445.619	2.777.853.853	96.390.543	1.516.623.101	18.763.178.122		

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay:

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:

* Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

09. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê TC						
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-
- Thuê tài chính trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính (*)	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm							-
- Khấu hao trong năm				-			-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính				-			-
- Tặng khác				-			-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính (*)				-			-
- Giảm khác (*)				-			-
Số dư cuối năm				-			-
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê TC							
- Tại ngày đầu năm				-			-
- Tại ngày cuối năm				-			-

* Tiền thuế phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm:

* Căn cứ để xác định tiền thuế phát sinh thêm:

* Điều khoản gia hạn thuế hoặc quyền được mua tài sản

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Lợi thế thương mại	Giấy chứng nhận ISO 9001	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng Total
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu năm	5.149.236.805	-	172.042.045	-	113.267.886	5.434.546.736
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
- Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán (*)	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	5.149.236.805	-	172.042.045	-	113.267.886	5.434.546.736
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	50.178.926	-	21.237.732	71.416.658

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

- Khấu hao trong năm	-	-	43.010.508	-	28.316.976	71.327.484
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán (*)	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	93.189.434	-	49.554.708	142.744.142
Giá trị còn lại của TSCĐ VH						
- Tại ngày đầu năm	5.149.236.805	-	121.863.119	-	92.030.154	5.363.130.078
- Tại ngày cuối năm	5.149.236.805	-	78.852.611	-	63.713.178	5.291.802.594

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác:

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

- Tổng số chi phí XD/CB dở dang

Cuối năm	Đầu năm
12.334.991.930	35.837.015

Trong đó (Những công trình lớn):

+ Công trình xây dựng khung nhà tiền chế

1.228.962.857

+ Quyển sử dụng đất (chưa hoàn tất thủ tục chuyển sang tên TSC)

11.032.662.052

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm
Nguyên giá bất động sản đầu tư	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-
Giá trị còn lại BĐS đầu tư	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

13. Đầu tư tài chính dài hạn khác:	Cuối năm	Đầu năm
- Đầu tư cổ phiếu	-	-
- Đầu tư trái phiếu	-	-
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
- Đầu tư dài hạn khác	-	-
Cộng	-	-

14. Chi phí trả trước dài hạn:	Cuối năm	Đầu năm
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn	-	-
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐVH	-	-
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	-	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	211.234.043
Cộng	-	211.234.043

15. Vay và nợ ngắn hạn	Cuối năm	Đầu năm
- Vay ngắn hạn	283.741.967.508	229.156.323.986
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	283.741.967.508	229.156.323.986

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

- Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,864,161,374	-
- Thuế Thu nhập cá nhân	254,864,605	23,547,261
- Thuế Tài nguyên	-	-
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-

Cộng	6,119,025,979	23,547,261
-------------	----------------------	-------------------

17. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	-	-
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
- Chi phí phải trả khác	805,839,109	766,096,314
Cộng	805,839,109	766,096,314

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Cuối năm	Đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	18,972,643	6,556,216
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2,956,957,112	639,441,898
Cộng	2,975,929,755	645,998,114

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

19. Phải trả dài hạn nội bộ	Cuối năm	Đầu năm
- Vay dài hạn nội bộ	-	-
- Phải trả dài hạn nội bộ khác	-	-
Cộng	-	-

20. Vay và nợ dài hạn	Cuối năm	Đầu năm
a. Vay dài hạn	-	-
- Vay Ngân hàng	-	-
- Vay đối tượng khác	-	-
- Trái phiếu phát hành	-	-
b. Nợ dài hạn	-	-
- Thuê tài chính	-	-
- Nợ dài hạn khác	-	-
Cộng	-	-

- Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Dưới 1 năm	-	-	-	-	-	-
Từ 1 - 5 năm	-	-	-	-	-	-
Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:	Cuối năm	Đầu năm
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	278,484,922	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	278,484,922	-
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.	-	-
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

22. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch đánh giá lại TSCĐ	Quỹ dự phòng tài chính	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	66.018.000.000	-	12.531.745.044	127.728.500	1.096.577.575	79.774.051.119
- Tăng vốn trong năm trước	2.793.300.000	-	-	-	-	2.793.300.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	12.929.331.629	-	695.266.165	13.624.597.794
- Giảm vốn trong năm trước (*)	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước (*)	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	(12.448.171.128)	-	-	(12.448.171.128)
Số dư cuối năm trước	68.811.300.000	-	13.012.905.545	127.728.500	1.791.843.740	83.743.777.785

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

Số dư đầu năm nay	68,811,300,000	-	13,012,905,545	127,728,500	1,791,843,740	83,743,777,785
- Tăng vốn trong năm nay	14,317,850,000	2,389,610,000	-	-	-	16,707,460,000
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	70,293,843,147	-	-	70,293,843,147
- Giảm vốn trong năm nay (*)	-	-	-	-	622,409,400	622,409,400
- Lỗ trong năm nay (*)	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	(12,630,698,644)	-	-	(12,630,698,644)
Số dư cuối năm nay	83,129,150,000	2,389,610,000	70,676,050,048	127,728,500	2,414,253,140	158,736,791,688

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
- Vốn góp của Tổng Công ty Đầu tư Kinh doanh Vốn nhà nước (SCIC)	40,000,000,000	46,223,800,000
- Vốn góp của các đối tượng khác	43,129,150,000	22,446,100,000
Cộng	83,129,150,000	68,669,900,000

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

* Số lượng cổ phiếu quỹ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	68.669.900.000	66.018.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	16.848.860.000	2.651.900.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	85.518.760.000	68.669.900.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.792.563.472	-

d. Cổ tức

	Cuối năm	Đầu năm
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	33.251.660.000	8.792.563.472
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	33.251.660.000	8.792.563.472
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

đ. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.312.915	6.866.990
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.312.915	6.866.990

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

+ Cổ phiếu phổ thông	8.312.915	6.866.990
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.312.915	6.866.990
+ Cổ phiếu phổ thông	8.312.915	6.866.990
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp:

	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Quỹ dự phòng tài chính	2.414.253.140	1.791.843.740
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ dự phòng tài chính: được trích lập để sử dụng vào các mục đích sau:

- + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

+ Bù đắp khoản lỗ của Công ty (nếu xảy ra) theo Quyết định của Hội đồng quản trị.

Quy khen thưởng, phúc lợi: chi khen thưởng CBCNV trong Công ty và chi ủng hộ các đoàn thể ban ngành bên ngoài Công ty.

g. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

23. Nguồn kinh phí

Năm nay Năm trước

- Nguồn kinh phí được cấp trong năm
- Chi sự nghiệp (*)
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm

24. Tài sản thuế ngoài

Cuối năm Đầu năm

- (1) - Giá trị tài sản thuế ngoài
- TSCĐ thuế ngoài
- Tài sản khác thuế ngoài
- (2) - Tổng số tiền thuế tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuế hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn
- Từ 1 năm trở xuống
- Trên 1 năm đến 5 năm
- Trên 5 năm



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

25. <i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	1.449.239.902.628	1.196.551.196.386
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	1.449.239.902.628	1.196.551.196.386
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng (đối với DN có hoạt động xây lắp)	-	-
+ DT của HĐXD được ghi nhận trong kỳ;	-	-
+ Tổng DT lũy kế của HĐXD được ghi nhận đến thời điểm lập BCTC	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	1.592.785.099	11.851.260
Trong đó:	-	-
- Chiết khấu thương mại	-	99.260
- Giảm giá hàng bán	1.592.785.099	11.752.000
- Hàng bán bị trả lại	-	-
- Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất khẩu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)	1.447.647.117.529	1.196.539.345.126
Trong đó:		
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	-	-
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

26. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.312.003.571.538	1.147.590.652.350
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	-	-
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
Cộng	1.312.003.571.538	1.147.590.652.350
27. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.772.939.857	471.291.201
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.305.445.533
- Lãi bán ngoại tệ	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	82.478.191	37.362.066
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.711.234.913	-
- Lãi bán hàng trả chậm	3.754.015.022	9.825.048.746
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	719.906.368	727.273.832
Cộng	9.040.574.351	12.366.421.378
28. Chi phí tài chính (Mã số 22)	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	17.658.359.134	16.413.226.342
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
- Lỗ do bán ngoại tệ	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	172.083.881	1.750.280.997

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
- Chi phí tài chính khác	-	-

Cộng	17.830.443.015	18.163.507.339
-------------	-----------------------	-----------------------

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.329.259.931	1.238.080.622
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	11.329.259.931	1.238.080.622

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	(278.484.922)	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng (*)	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả (*)	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(278.484.922)	-

31. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.315.683.473.343	1.153.035.310.131
- Chi phí nhân công	14.340.756.958	7.445.807.467
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.073.824.066	1.800.630.662

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

- Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.583.561.035	18.104.467.069
- Chi phí khác bằng tiền	3.343.430.285	1.129.530.067
Cộng	1.359.025.045.687	1.181.515.745.396

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

32. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do DN nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm nay	Năm trước
a. Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:	-	-
- Mua DN thông qua phát hành cổ phiếu:	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu:	-	-
b. Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo.		
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý;		
+ Tổng giá trị mua	-	-
+ Tổng giá trị thanh lý	-	-
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền;		
+ Tổng giá trị mua	-	-
+ Tổng giá trị thanh lý	-	-
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý;		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

- Phần giá trị tài sản (Tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ.

c. Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do DN nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà DN phải thực hiện.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

34. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần giá trị ròng từ hoạt động kinh doanh và phần giá trị thuần của tài sản thuần của Công ty con tính trên tỷ lệ cổ phần không do Công ty nắm giữ.

TPHCM, Ngày 15 tháng 01 năm 2008

Người lập biểu

BÙI ĐỨC HOÀN

Kế toán trưởng

TRẦN XUÂN ĐIẾU

Tổng Giám đốc



PHẠM VĂN TUẤN